

TRƯỜNG DẠY NGHỀ BIÊN HÒA THỜI PHÁP THUỘC (1903 - 1945)*Trần Thị Thùy Dung¹***TÓM TẮT**

Năm 1903, Trường dạy nghề Biên Hòa được thành lập theo quyết định của Tỉnh trưởng Biên Hòa. Đây là cơ sở dạy nghề có mặt sớm nhất ở đất Biên Hòa xưa. Sự ra đời của loại hình trường nghề đã làm thay đổi diện mạo nền giáo dục tỉnh nhà, là nơi cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề, những tác phẩm có tính sáng tạo cao, đóng vai trò không nhỏ vào hệ thống giáo dục chuyên nghiệp Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Bài viết tìm hiểu bối cảnh thành lập, hoạt động và những đóng góp của Nhà trường đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Từ khóa: Trường dạy nghề Biên Hòa, thời Pháp thuộc

1. Đặt vấn đề

Chiều ngày 31/8/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. Ngày 1/9/1858, quân Pháp đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà, chính thức xâm lược Việt Nam theo kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh”. Ngày 9/2/1959, Pháp chuyển hướng đánh vào Gia Định. Từ 1859 - 1862, Pháp chiếm được ba tỉnh miền Nam Kỳ. Năm 1867, Pháp đã chiếm gọn sáu tỉnh Nam Kỳ. Ngay sau khi chiếm được Nam Kỳ, Pháp cố gắng thiết lập một hệ thống giáo dục mới với mục đích xóa bỏ những ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa, truyền bá văn minh Pháp, đồng thời đồng hóa người Việt, đào tạo ra một tầng lớp công chức và chuyên viên phục vụ cho nền cai trị và công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp. Thực hiện chủ trương đó, các trường dạy nghề ở Nam Kỳ lần lượt ra đời, trong đó có Trường dạy nghề Biên Hòa (1903). Trường dạy nghề Biên Hòa (nay là trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai) thành lập góp phần vào việc đào tạo nhân lực phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa của chính quốc,

đồng thời đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Nội dung**2.1. Bối cảnh lịch sử - chính trị**

Chủ nghĩa tư bản châu Âu hình thành, phát triển từ trong lòng xã hội phong kiến, chính thức được xác lập như một hình thái xã hội ở thế kỷ XVII và ngày càng phát triển ở các thế kỷ XVIII-XIX. Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản đòi hỏi nhu cầu về thị trường nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, nguồn nhân công ngày càng cấp thiết. Các cuộc phát kiến địa lý với những tiến bộ về khoa học kỹ thuật đã mở ra thời đại xâm chiếm thuộc địa của chủ nghĩa thực dân châu Âu, các cường quốc phương Tây mở rộng công cuộc bành trướng và xâm lược các thuộc địa. Đông Nam Á là khu vực rộng lớn, đông dân, giàu tài nguyên thiên nhiên, có vị trí địa lý quan trọng, nằm trên tuyến đường hàng hải quan từ Tây sang Đông. Từ nửa sau thế kỷ XIX, tư bản phương Tây đẩy mạnh xâm lược Đông Nam Á: Anh chiếm Mã Lai, Miến Điện; Pháp chiếm Việt Nam, Lào, Campuchia; Tây Ban

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: ttthuydung87@gmail.com

Nha, sau đó là Mỹ chiếm Philippines; Hà Lan và Bồ Đào Nha chiếm Indonesia, duy nhất chỉ có Xiêm (Thái Lan) là nước độc lập nhưng cũng trở thành “vùng đệm” của Anh và Pháp.

Việt Nam thế kỷ XIX cũng không nằm ngoài “quy luật” đó. Chiều 31/8/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha với 3000 binh lính và sĩ quan, trên mười bốn chiến thuyền, kéo tới cửa biển Đà Nẵng, âm mưu đánh chiếm Đà Nẵng, rồi tấn công ra Huế, buộc nhà Nguyễn đầu hàng. Sáng 1/9/1858, Pháp ra lệnh cho tàu chiến bắn đại bác và cho quân đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà, chính thức xâm lược Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn cử Nguyễn Tri Phương trấn thủ mặt trận Đà Nẵng. Sau năm tháng xâm lược (từ 8/1859 đến 2/1859), Pháp bị cầm chân tại chỗ, không thể tiến sâu vào đất liền. Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp bước đầu thất bại.

Ngày 9/2/1859, Pháp chuyển hướng tấn công vào Gia Định, ngày 17/2/1859 Pháp chiếm thành Gia Định. Từ năm 1860, Pháp gặp nhiều khó khăn do sa lầy trong chiến tranh ở Trung Quốc và Italia, Pháp ngừng mở các cuộc tấn công, chỉ để lại hơn 1.000 lính đóng trên 10km. Triều đình cử Nguyễn Tri Phương vào Gia Định. Ông không chủ động đánh giặc mà huy động nhân dân xây dựng phòng tuyến Chí Hòa để chặn bước tiến của Pháp. Ngày 23/2/1861, sau khi giải quyết xong vấn đề Trung Quốc, Pháp tấn công và chiếm được Đại đồn Chí Hòa. Thừa thắng, từ tháng 4/1861 đến 3/1862, Pháp mở rộng đánh

chiếm Định Tường, Biên Hòa và Vĩnh Long. Tại Biên Hòa, sáng 17/12/1861, đô đốc Bo-na đích thân chỉ huy cuộc hành quân, theo sông Đồng Nai đến trước thành Biên Hòa. Ngay trong đêm 17/12, Nguyễn Bá Nghi ra lệnh cho quân đội rút khỏi thành Biên Hòa. Ngày 18/12/1861 quân Pháp tiến vào ngôi thành bỏ ngõ, thu nhiều chiến lợi phẩm. Biên Hòa nằm dưới quyền kiểm soát của thực dân Pháp.

Phong trào chống Pháp xâm lược của nhân dân ta diễn ra khắp mọi nơi, gây cho Pháp nhiều thiệt hại, tiêu biểu là vụ đốt tàu Hy vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông (10/12/1861). Giữa lúc dân ta đang đẩy mạnh cuộc kháng chiến, ngày 5/6/1862, đại diện triều đình là Phan Thanh Giản đã chủ động ký với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất. Hiệp ước gồm 12 điều khoản, trong đó điều khoản thứ 3 và 11 đã quy định ba tỉnh: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa cùng đảo Côn Lôn hoàn toàn nhượng cho hoàng đế nước Pháp, trở thành thuộc địa của Pháp, gọi là “Nam Kỳ thuộc Pháp” và nhân dân 3 tỉnh này là “thần dân mới của hoàng đế Na-pô-lê-ông”.

Năm 1867, thực dân Pháp lấy cớ triều đình Huế ủng hộ nhân dân chống Pháp ở ba tỉnh miền Đông, từ ngày 20 đến ngày 24/6/1867, chỉ trong năm ngày, Pháp đem quân đi chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên) không tốn một viên đạn. Phan Thanh Giản một mặt nghĩ rằng chống cự không nổi, mặt khác lo sợ nhân dân phải đổ máu nên ra lệnh nộp thành cho Pháp và uống thuốc tự tử.

Như vậy, bối cảnh lịch sử - chính trị Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX có nhiều biến động. Từ năm 1858 - 1867, thực dân Pháp đã chiếm gọn sáu tỉnh Nam Kỳ. Năm 1874, triều đình Huế ký Hiệp ước Giáp Tuất thay thế cho hiệp ước Nhâm Tuất, trong đó có điều khoản công nhận chủ quyền hoàn toàn của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Nam Kỳ, lục tỉnh Nam Kỳ trở thành “một phần đất thuộc gia sản đất đai của nước Pháp và được cai trị trực tiếp bởi những người đại diện cho nước Pháp” [1, tr. 25].

2.2. Chính sách giáo dục của chính quyền thực dân Pháp đối với Nam Kỳ

Sau khi chiếm được sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp bắt tay ngay vào củng cố bộ máy cai trị và quân đội, đẩy mạnh bóc lột nhân dân Nam Kỳ bằng tô thuế, cướp đoạt ruộng đất của nhân dân, ra sức vơ vét lúa gạo để xuất khẩu, phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa làm giàu cho chính quốc. Bên cạnh các biện pháp về quân sự, kinh tế, chính trị... Pháp còn chú ý đến các chính sách về văn hóa giáo dục với ý nghĩa “giáo dục là một công cụ mạnh nhất và chắc chắn nhất ở trong tay kẻ đi chinh phục” [2, tr. 13] để thực hiện mưu đồ “chinh phục tâm hồn”.

Giáo dục Việt Nam gắn liền với Nho học, nay thực dân Pháp muốn cắt đứt quá khứ đó và thay bằng một nền giáo dục của Pháp. Do đó, ngay sau khi chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, người Pháp lập tức loại bỏ nền giáo dục Nho học, năm 1864 là kỳ thi Hương cuối cùng ở Nam Kỳ (tổ chức ở trường thi An Giang trước khi bị Pháp chiếm).

Đồng thời nghị định ngày 6/4/1878 đề ra những quy định bắt buộc người bản xứ đến năm 1882 phải dùng chữ quốc ngữ trong mọi công văn giấy tờ. Năm 1906 đánh dấu bước cải cách mạnh mẽ nền giáo dục cho toàn cõi Đông Dương bằng việc Toàn quyền Đông Dương P. Bô ban hành nghị định cải thiện nền giáo dục bản xứ với nội dung tóm tắt như sau: một là cải cách trong hệ thống trường Pháp - Việt gồm hai bậc: tiểu học và trung học; hai là cải cách hệ thống trường dạy chữ Hán nhằm làm thay đổi cơ cấu nền giáo dục cổ truyền để dần dần thay thế bằng giáo dục Pháp - Việt. Kết quả của cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất của Toàn quyền P. Bô là Việt Nam tồn tại song song hai nền giáo dục phong kiến và Pháp - Việt. Năm 1917, chương trình cải cách giáo dục lần thứ hai được tiến hành bằng việc Toàn quyền Đông Dương An-be Sa-rô ký nghị định ban hành Tổng quy chế nền học chính Đông Dương. Với bộ Học quy của Sa-rô, Pháp đã xây dựng bước đầu một hệ thống giáo dục từ tiểu học đến cao đẳng, trong đó số trường Pháp - Việt đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa lần hai. Cả hai cuộc cải cách giáo dục của Pháp đều nhằm mục đích loại trừ nền giáo dục phong kiến, xây dựng một nền giáo dục thống nhất cho ba kỳ về nội dung, tổ chức, phương pháp giảng dạy.

Chủ trương phát triển giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam hoàn toàn không xuất phát từ “tâm”, từ những ý niệm “sứ mệnh khai hóa”, “truyền bá

văn minh"... mà giới cầm quyền thuộc địa từng tuyên truyền. Thực dân Pháp chú ý, quan tâm, phát triển giáo dục nhằm nắm mục đích cơ bản: một là chinh phục tinh thần, chiếm được trái tim, khối óc của người bản xứ sau khi đã hoàn tất công cuộc chinh phục đất đai; hai là đào tạo một nguồn nhân lực "ngoan ngoãn", trung thành phục vụ trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp; ba là người Pháp có thể trực tiếp giao thiệp với dân chúng Việt Nam mà không cần thông qua những người trung gian; bốn là truyền bá tư tưởng văn hóa Pháp và cuối cùng là nhằm mục đích mị dân. Thực dân Pháp muốn sử dụng giáo dục như một công cụ phục vụ cho chính sách cai trị nhằm duy trì vĩnh viễn ách thống trị của chính quyền thực dân lên đất nước ta. Chính điều này đã chi phối đến nội dung giảng dạy trong nhà trường "chỉ cần dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán một chút thôi, biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích" [3, tr. 400], "thật không thể nào để cho người An Nam được học lịch sử và đọc sách của chúng ta mà không gây cho họ lòng yêu nước, yêu tự do" [2, tr. 17].

"Kinh nghiệm của các dân tộc châu Âu khác đã chỉ rõ rằng việc truyền bá một nền học vấn đầy đủ cho người bản xứ là hết sức đại dột" [2, tr. 17]. Đó cũng là tư tưởng chỉ đạo chung của bọn thực dân khi muốn thi hành chính sách giáo dục ở các nước thuộc địa. Vì vậy, khi thực hiện các chính sách giáo dục ở Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung, Pháp luôn luôn hạn chế mở

trường, muốn dân ngu để dễ trị, một mặt hạn chế phát triển giáo dục, mặt khác phải thành lập các trường để đào tạo đội ngũ nhân công phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa; một mặt muốn thực hiện "sứ mệnh khai hóa văn minh", mặt khác lo sợ rằng sự phát triển của giáo dục bản xứ sẽ gây ra nguy hại cho nền thống trị của nước Pháp. Đó chính là những mâu thuẫn của thực dân Pháp trong việc phát triển giáo dục ở Việt Nam. Tuy nhiên, dù muốn hay không, Pháp buộc phải quan tâm, chú ý phát triển giáo dục vì những mục đích về kinh tế, chính trị, văn hóa. Cùng với giáo dục phổ thông và đại học, thực dân Pháp cũng chú ý đến việc thúc đẩy sự phát triển của giáo dục chuyên nghiệp. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, nhằm phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, hàng loạt trường dạy nghề đã được mở ra, nhằm mục đích đào tạo thợ chuyên môn, đốc công phục vụ cho nhu cầu mở rộng và phát triển công nghiệp của thực dân Pháp ở Việt Nam. Mặt khác, số nhân công được đào tạo này sẽ thay thế những người thợ từ Pháp sang, góp phần giảm gánh nặng về kinh tế cho chính quốc. Theo thời gian, các trường dạy nghề đã được thành lập trên cả nước: trường kỹ nghệ Sài Gòn (1898), trường Hà Nội (1898), trường Bách công ở Huế (1899), trường mỹ nghệ Thủ Dầu Một (1905), Trường dạy nghề Biên Hòa (1903), Trường Sa Đéc (1907)... Sự ra đời của hàng loạt các trường dạy nghề được đã đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân

lực phục vụ khai thác thuộc địa, đồng thời thu về cho chính quốc một nguồn lợi không nhỏ: “Giáo dục chuyên nghiệp có một nguồn tư bản rất quan trọng ở một xứ kỹ nghệ địa phương và kỹ nghệ Âu châu đang phát triển rầm rộ” [4, tr. 48].

Thực dân Pháp hiểu được sức mạnh và vai trò của giáo dục trong việc bình định và biến những người Việt Nam thành người Pháp về mặt văn hóa nên họ đã sử dụng giáo dục như một công cụ cai trị nhằm chinh phục tâm hồn người bản xứ sau khi đã hoàn thành công cuộc chinh phục đất đai. Nền giáo dục phương Tây xuất hiện đã làm thay đổi hoàn toàn nền giáo dục nước nhà, nền giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng chuyển sang một trang mới với một diện mạo mới. Sự tiếp xúc với văn hóa Pháp, văn hóa phương Tây, nhất là lĩnh vực giáo dục với những tư tưởng mới đã mở ra cho thanh niên Việt Nam những nhận thức mới, tư duy mới. Tuy nhiên, với tư cách là một kẻ đi xâm lược, nền giáo dục mà Pháp thi hành chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu và lợi ích của nước Pháp, không xuất phát từ lợi ích của dân tộc Việt Nam, đó là một nền giáo dục nô dịch, phản động.

2.3. Trường dạy nghề Biên Hòa thời Pháp thuộc

2.3.1. Mục đích, chủ trương thành lập Trường dạy nghề Biên Hòa

Trước khi Trường dạy nghề Biên Hòa được thành lập, ở Đồng Nai tồn tại nhiều ngành nghề thủ công truyền thống. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX,

tỉnh Đồng Nai có các nghề thủ công sau: khai thác gỗ; mộc; đóng ghe xuồng; tiện; chạm khắc gỗ; đan lát bằng tre, mây, song mật, lá buông, mật cật; dệt chiếu, đệm; khai thác dầu cây/nhựa, dầu rái; hầm than; làm thuốc nhuộm; lấy mật và sáp ong; làm đường; làm gốm và gạch ngói; đúc; làm đá xanh/granit, khai thác đá ong/latêrit. Trong đó, có một số nghề thủ công đạt được trình độ cao, sản phẩm có chất lượng, được nhiều người biết đến, đặc biệt là “gốm Cây Mai”- “là đồ sành men màu thường gọi là màu men lưu li, màu xanh “ve chai” là màu chủ đạo, dùng để tranh trí các đèn, miếu, đình, chùa và các tượng thờ: Thần, Phật, Bò Tát, Bò Đe Đạt Ma” [5, tr. 27]. Hầu hết các nghề thủ công ở Đồng Nai lúc bấy giờ đều được lưu truyền bằng kinh nghiệm, chưa có hình thức đào tạo nghề bài bản, chính quy, sử dụng kỹ thuật tiên tiến. Đây cũng là đặc điểm chung của các nghề thủ công ở Nam Kỳ và xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, vì giáo dục phong kiến chỉ gói gọn trong các sách của Nho gia với Tứ Thư, Ngũ Kinh, binh pháp, ít chú trọng tính thực hành, thực dụng.

Trước năm 1903, giáo dục nghề chưa từng xuất hiện trong xã hội Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng. Sự xuất hiện của Trường dạy nghề Biên Hòa đã làm thay đổi nền giáo dục tỉnh nhà với hình thức giáo dục mới ra đời: giáo dục nghề. Ngày 24 tháng 9 năm 1902, Hội đồng hàng tỉnh Biên Hòa ra nghị quyết mở Trường dạy nghề Biên Hòa theo đề nghị của ông Ches-ne, quan Chánh tham biện tỉnh Biên Hòa.

Ông Ches-ne trực tiếp quản lý trường – làm nhiệm vụ của hiệu trưởng.

Mục đích thành lập Trường dạy nghề Biên Hòa đã được nêu rõ trong văn bản ngày 12/8/1903 của quan cai trị Ches-ne: “1 - đào tạo thợ, khi trở về làng có thể sử dụng tài nguyên thiên nhiên của đất đai trong tỉnh (gỗ, mây, tre, đất kaolin); 2 - hoàn chỉnh vài công nghệ tồn tại trong vùng theo ký ức con người như đúc đồng và gang, những công nghệ này còn trong tình trạng nguyên thủy, quê kệch trong khi những nghệ tương tự ở Bắc Kỳ đã đạt tới sự thịnh vượng rõ rệt” [5, tr. 11]. Mười năm sau, năm 1913, trong Quyết định số 186 – quyết định tái cơ cấu Trường dạy nghề Biên Hòa nêu rõ mục đích của trường là: “Trường dạy nghề Biên Hòa là một trường mỹ nghệ thực hành có mục đích đào tạo thợ thạo nghề, khéo tay cho nghề đúc và chạm trổ đồng và kim loại khác, nghề gốm, nghề mộc, nghề làm sườn (nhà và tàu thuyền), và điêu khắc gỗ là phụ” [5, tr. 142]. Như vậy, Trường dạy nghề Biên Hòa ra đời nhằm hai mục đích cơ bản: một là đào tạo đội ngũ thợ lành nghề, sản xuất theo lối hiện đại phục vụ công cuộc thống trị và khai thác của Pháp; hai là những tinh hoa của các ngành thủ công truyền thống sẽ được phục hồi và phát triển ở trình độ cao hơn, đem lại lợi nhuận cho chính quốc.

2.3.2. Hoạt động của Trường dạy nghề Biên Hòa thời Pháp thuộc

Trường dạy nghề Biên Hòa khai giảng vào ngày 15/3/1903 trong khuôn viên tòa bố (nơi quan cai trị làm việc,

sau này gọi là dinh tỉnh trưởng): “Trường tọa lạc ngay phía sau bên trái tòa bố ở khu đất ngang 50m, rộng (sâu) 43m chỉ có một dãy nhà ngang trông ra bùng binh đường giao thông một chiều” [5, tr. 35]. Hoạt động của trường được bao cấp hoàn toàn do quỹ của ngân sách địa phương. Trong thời Pháp thuộc, Trường dạy nghề Biên Hòa có nhiều tên gọi khác nhau:

- École professionnelle de Bienhoa (1903-1913): Trường Dạy nghề Biên Hòa (còn gọi là trường Bá nghệ Biên Hòa).

- École d'Art indigène de Bienhoa (1913-1944): Trường Mỹ nghệ bản xứ Biên Hòa.

- École des Arts appliqués de Bienhoa (1944-1955): Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa.

Từ năm 1955 đến nay, dưới chế độ Sài Gòn (1954-1975) và thời kỳ đất nước được hoàn toàn thống nhất (1975 - nay), trường cũng đã nhiều lần thay đổi tên gọi do nội dung đào tạo điều chỉnh theo từng thời kỳ: Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa (1955-1964), Trường Kỹ thuật Biên Hòa (1964-1976), Trường phổ thông Công nghiệp Đồng Nai (1977), Trường Trung học Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai (1978-1998), Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai (1998 - nay).

Kể từ ngày thành lập đến 1945, Trường dạy nghề Biên Hòa đã nhiều lần thay đổi tên gọi và cơ cấu ngành nghề đào tạo để phù hợp với ngân sách và yêu cầu sản xuất của chính quyền thuộc địa. Năm 1903, trường khai giảng khóa đầu tiên với bốn ban cơ bản: ban Vẽ (vẽ

trên giấy, trên gỗ, ..), ban Gõ (điều khắc gỗ, khắc, khắc trổ,...), ban Đan lát (dùng song, mây, cói và tre), và ban Đúc đồng. Trường mới thành lập, kinh tế chưa phát triển nên chưa thu hút sự quan tâm của quần chúng nhân dân, hoạt động ban đầu của trường còn nhiều khó khăn, quy mô của trường nhỏ bé, số lượng học sinh ít, tháng 8 năm 1903, có 55 em, đến tháng 12 năm 1903, trường có 64 học sinh. Các học trò vào học nhỏ nhất là 12 tuổi và lớn nhất là 18 tuổi, có học bổng gia đình mỗi suất 4p50 (p: đồng Đông Dương) do làng xã cấp. Kinh phí hoạt động của trường do ngân sách tỉnh và các làng đài thọ, tổng kinh phí hoạt động năm 1903 là 6.525p28. Năm 1905, sau 2 năm hoạt động với nhiều kết quả khả quan, ông Ches-ne ban hành Quy chế của trường với nội dung là hợp thức hóa ban Sắt (trước đó ban Sắt chưa được Hội đồng hàng tỉnh chấp thuận nhưng trường vẫn tuyển sinh vào các năm 1903, 1904). Đồng thời, quy chế quy định rõ thời gian học là bốn năm, hai năm đầu học luân phiên giữa các ban, hai năm sau học theo lựa chọn của cá nhân. Đến tháng 3 năm 1907, Trường dạy nghề Biên Hòa được mở rộng với việc hợp thức hóa ban Gốm và mở thêm ban Nữ công gia chánh. Số học sinh theo học ở trường năm 1907 là 118 em, tuổi nhỏ nhất 13, lớn nhất là 17. Như vậy, tính đến năm 1907, số ngành nghề được đào tạo tại Trường dạy nghề Biên Hòa là bảy phân xưởng: Vẽ, Gõ, Đúc đồng, Đan lát, Sắt, Gốm và Nữ công gia chánh.

Năm 1909, chi phí hoạt động của trường là 1.7615p, vượt quá khả năng tài chính của tỉnh. Dựa trên những kết quả đạt được của các ban từ năm 1903-1909 và căn cứ vào kết quả của thanh tra về ngân sách của trường, tỉnh quyết định giải thể ban Sắt, Gõ, Vẽ và Đan lát từ ngày 1/1/1910. Tuy nhiên, đến tháng 5 năm 1912, ban Gõ được mở lại do yêu cầu xã hội trong tỉnh. Tháng 8 năm 1912, Trường dạy nghề Biên Hòa lại có sự thay đổi về ngành nghề đào tạo, đó là ban Nữ công gia chánh tách ra khỏi trường, thành lập một trường riêng, lấy tên là trường Nữ công gia chánh.

Qua nhiều lần thay đổi các ban đào tạo, đến năm 1913, trong Quyết định tổ chức lại nhà trường của tỉnh trưởng Krau-đơ-me, trường đổi tên là trường Mỹ nghệ Biên Hòa, trường có ba ban đào tạo: Đúc đồng và chạm trổ, Gốm, Gõ. Học sinh theo học từ 13 đến không quá 16 tuổi, phải có trình độ sơ học của trường làng, xã, thời gian học tại trường là ba năm, phải học hai môn chung là vẽ và nặn.

Năm 1923, Chính phủ Pháp bổ nhiệm hai chuyên viên: ông Ba-lick tốt nghiệp trường Mỹ thuật trang trí Paris, làm hiệu trưởng và bà Ma-ri-ette tốt nghiệp trường Gốm Limoges làm phụ tá. Ông bà Ba-lick chỉ giữ lại hai ban truyền thống đó là ban Đúc đồng và Gốm. Ông Ba-lick đứng đầu ban Đúc đồng và bà Ba-lick đứng đầu ban Gốm. Thời gian học là bốn năm, hai năm đầu học các môn cơ bản và luân phiên các ban, hai năm cuối học chuyên ban. Học trò vào học phải có trình độ sơ học (lớp 3), các

em được học tiếp chữ Nho, chữ quốc ngữ, tiếng Pháp, Toán. Từ năm 1938, trường đào tạo thêm môn Vẽ: vẽ thủy mặc, vẽ viễn vọng và trang trí thực dụng.

Có thể nói từ năm 1923, trường bước vào một giai đoạn mới, được coi là bước ngoặt, từ đây với sự chung sức của ông bà Ba-lick và thầy thợ của trường trong việc tìm ra công thức pha men chính xác. Đặc biệt từ năm 1933, ông Ba-lick đứng ra thành lập tổ chức Hợp tác xã thủ công của thợ gốm và thợ đúc Biên Hòa mà người ta gọi là Hợp tác xã Mỹ nghệ. Tổ chức này tập hợp các học sinh đã ra trường, hiệu trưởng trực tiếp quản lý, điều hành mọi việc, nhận hợp đồng, chỉ đạo đốc công, phân việc cho thợ, kiểm tra sản phẩm làm ra. Tất cả học sinh sau khi ra trường đều được tuyển dụng vào hợp tác xã với tư cách tập sự, sau một năm sẽ được chính thức làm thợ. Hợp tác xã mỹ nghệ làm ba loại sản phẩm: đúc đồng, đá và đá Angkor phục chế, gồm mỹ nghệ.

Cùng với việc hoàn chỉnh các ban đào tạo của trường, năm 1907, trong quyết định của quan cai trị tỉnh Biên Hòa được Thống đốc Nam Kỳ chấp thuận, hội đồng quản trị điều hành Trường dạy nghề Biên Hòa cũng được hoàn thiện, bao gồm:

“Quan cai trị chủ tỉnh, chủ tịch
 Hiệu trưởng nhà trường, ủy viên
 Kế toán của tỉnh, ủy viên
 Trưởng xưởng người Âu khoa sát,
 ủy viên
 Một vị thân hào trong tỉnh, ủy viên
 Một cai tổng hoặc phó tổng được
 bầu, ủy viên

Một cố vấn hội đồng tỉnh được bầu,
 ủy viên

Một hương chức hội tề các làng
 được bầu, ủy viên

Một viên chức bản xứ tòa bố, làm
 thư ký” [5, tr. 139]

Giai đoạn 1903-1945, thời gian học tập tại trường có nhiều thay đổi. Năm 1903, học sinh học tập tại trường trong vòng bốn năm, mỗi năm học gồm mười một tháng. Trong hai năm đầu, học sinh phải học lần lượt ở tất cả các xưởng nhằm tìm ra năng khiếu của từng người, sau đó học sinh phải cam kết không được từ bỏ nghề mà họ đã chọn. Kết thúc bốn năm học, học sinh sẽ nhận được bằng tốt nghiệp chia thành ba thứ hạng: xuất sắc, tốt, khá và do Tỉnh trưởng ký.

Đến năm 1913, chương trình học tập ở trường chỉ còn ba năm. Vào cuối năm thứ ba, học sinh phải thực hiện một tác phẩm nghệ thuật làm bài thi nhận chứng chỉ. Nếu tác phẩm được đánh giá tốt, họ sẽ tốt nghiệp, nếu không, họ phải học lại năm học thứ ba theo ý kiến của Ủy ban hoàn thiện.

Phương pháp giảng dạy chủ yếu ở Trường dạy nghề Biên Hòa là “thúc tỉnh sự sáng tạo và trí thông minh của học sinh” thay thế cho phương pháp cổ xưa của các đốc công người châu Á. Sự thay đổi về phương pháp giảng dạy cùng với sự cải tiến kỹ thuật của các đốc công Tây phương giúp các nghề thủ công truyền thống địa phương được phát triển, sản phẩm đạt trình độ cao, tham gia các cuộc triển lãm trong và ngoài nước. Đồng thời, dưới sự hướng

dẫn kỹ thuật của kỹ sư người Âu, tay nghề của học sinh được nâng cao, có sự tiến bộ rõ rệt, được nhiều nước trên thế giới mời tham dự triển lãm quốc tế.

Với sự cố gắng của thầy và trò Trường dạy nghề Biên Hòa, các sản phẩm đạt chất lượng tốt và mang tính thẩm mỹ cao, hằng năm, trường đều có sản phẩm trưng bày ở Hội Mỹ thuật Sài Gòn, tham dự triển lãm Hà Nội và các nơi trong và ngoài nước, đặc biệt năm 1922, sản phẩm của trường đã đem đi tham dự triển lãm ở Hội chợ Mác-xây.

Năm 1925, các sản phẩm do trường làm ra đã được đem đi tham gia triển lãm quốc tế vào tại Paris. Tại đây, bà Ba-lick – được Bộ Giáo dục và Ngoại giao cử làm Trưởng đoàn ngành gốm miền Nam, đã chọn những sản phẩm thật đặc sắc gửi đi tham dự triển lãm. Các sản phẩm tham gia được giới chuyên môn đánh giá cao, chính phủ Pháp tặng Bằng khen danh dự, và ban tổ chức tặng thưởng Huy chương vàng, ngoài ra Bộ Thương mại Pháp còn đề nghị làm đại lý cho trường ở Paris.

Năm 1933, trường gửi sản phẩm tham gia cuộc triển lãm quốc tế Paris (Pháp) lần II. Đợt này, ông Ba-lick đã đem theo hai giáo viên gốm và các dụng cụ xoay tay, đất sét và các đồ nghề ngành gốm để biểu diễn trực tiếp cho du khách xem. Cũng như đợt trước, các sản phẩm của trường đều được đánh giá cao.

Danh tiếng của trường được nhiều nước trên thế giới dần biết đến, các tác phẩm được sáng tạo bằng tâm huyết của thầy trò Trường dạy nghề Biên

Hòa được nhiều nơi mời tham dự triển lãm, từ năm 1934-1938, trường tham gia triển lãm ở: Batavia (Indonesia) năm 1934, Nagoya (Nhật Bản), Paris (Pháp) năm 1937, Saint-Denis (Réunion - thuộc Pháp) năm 1938.

Sự ra đời của trường dạy nghề đã khắc phục một số hạn chế lớn của giáo dục phong kiến, đó là không chú trọng đến cái học mang tính chất “thực nghiệp”, thay vào đó là lối học từ chương khoa cử. Trường dạy nghề Biên Hòa gắn liền với tên tuổi của hai ông bà R. Ba-lick, những người đã đặt dấu son cho sự phát triển của trường. Đó là những người Pháp nhưng đã hết lòng vì con người và nghệ thuật Việt Nam và đã đưa nghệ thuật ấy đến với công chúng Pháp.

2.3.3 Một số đóng góp của Trường dạy nghề Biên Hòa thời Pháp thuộc

Thứ nhất, năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cùng với quá trình xâm lược và đô hộ là sự thâm nhập của một nền giáo dục mới - giáo dục tư bản chủ nghĩa. Chính sách xuyên suốt và cơ bản của thực dân Pháp là vơ vét tài nguyên của thuộc địa và tăng cường bóc lột lao động làm giàu cho chính quốc, nhưng do yêu cầu của sản xuất và mục đích của cuộc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã thành lập các trường dạy nghề, trong đó có Trường dạy nghề Biên Hòa. Sự ra đời của các trường nghề với chủ trương “học đi đôi với hành”, chú trọng thực hành, thực nghiệm, ứng dụng kỹ thuật của Tây phương trong chế tác sản phẩm

góp phần làm thay đổi tư duy của những nhà giáo dục, tạo nên sự khác biệt so với nền giáo dục phong kiến trước đây.

Thứ hai, Trường dạy nghề Biên Hòa đã góp phần cải tiến kỹ thuật cho các nghề thủ công, sản phẩm đạt đến trình độ cao, tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, thực hiện những tác phẩm trang trí cho tỉnh nhà và các tỉnh khác: năm 1934, trường lãnh phần trang trí ngoại ô chợ Bến Thành, cần các loại tranh nặn nổi gắn bốn vách tứ giác tượng trưng thực phẩm hải sản (cá đuối, tôm hùm), đặc sản (bò, heo, cá, tôm...), hoa quả (sầu riêng, măng cụt) và rau xanh (mướp, bầu, bí...) bằng gốm tráng men thật đẹp. Năm 1934, thực hiện bồn nước công trường Tòa Đô Chánh, đại lộ Nguyễn Huệ, Sài Gòn. Sang năm 1936, nhà trường đã áp dụng lối trang trí dung hòa thích hợp của ngành mỹ thuật của ba nước láng giềng Việt, Miên, Lào để thực hiện trụ ranh giới vùng ba biên giới bằng gốm với nhiều sắc thái men mỹ thuật. Sự sáng tạo trong nghệ thuật và sự chuyên nghiệp trong chế tác sản phẩm của Trường dạy nghề Biên Hòa được sự ghi nhận của công chúng, đồng thời góp phần cho sự phát triển các ngành kỹ thuật, mỹ nghệ ở Nam Kỳ trong những giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Thứ ba, thực hiện chủ trương đào tạo thợ thủ công, nhân công có tay nghề phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa của chính quốc, giai đoạn 1903-1944, trường đã đào tạo được 562 học sinh. Đây là nguồn cung cấp thợ lành nghề,

có trình độ tham gia vào hoạt động sản xuất thủ công nghiệp ở Biên Hòa nói riêng và Nam Kỳ nói chung.

Thứ tư, sự ra đời của Trường dạy nghề Biên Hòa với hình thức đào tạo nghề - loại hình đào tạo mới đối với xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, trường học, lớp học có tổ chức, có hệ thống, đa dạng về loại hình trường lớp, hệ thống giáo dục được tổ chức rộng khắp, làm phong phú, đa dạng loại hình đào tạo ở nước ta thế kỷ XX. Trường dạy nghề Biên Hòa với nội dung, phương pháp đào tạo chính quy, bài bản, kỷ luật đã tạo ra một đội ngũ nhân công chất lượng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa Việt - Pháp với những tư tưởng mới đã mở ra cho thanh niên Việt Nam những nhận thức mới, gây nên trong xã hội Việt Nam những rung động sâu xa - đó là điều Pháp không thể lường hết được. Trong hoàn cảnh giáo dục phong kiến không phát huy được vai trò trong đời sống xã hội, giáo dục Tây phương đã đem lại một hình ảnh mới, đem lại những yếu tố mới cho nền giáo dục Việt Nam.

Thứ năm, mặc dù Trường dạy nghề Biên Hòa ra đời với nội dung, phương pháp giáo dục hiện đại, tiên tiến hơn, nhưng nó vẫn nằm trong mục đích giáo dục “thực dụng” của thực dân Pháp. Với tư cách là một kẻ đi xâm lược, nền giáo dục mà Pháp thi hành chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu và lợi ích của nước Pháp, không xuất phát từ lợi ích của dân tộc Việt Nam, đó là một nền giáo dục nô dịch, phản động. Nền giáo dục ấy với chủ

trương “dân ngu dễ trị” nhưng vì tham vọng làm giàu cho chính quốc, phục vụ “nước Mẹ” Pháp nên các trường dạy nghề, thông ngôn được ra đời.

3. Kết luận

Dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có nhiều đổi thay trên tất cả các lĩnh vực. Song song với các chính sách về chính trị, kinh tế, xã hội, thực dân Pháp đã thi hành chính sách văn hóa giáo dục nô dịch nhằm đồng hóa lâu dài đối với dân tộc ta với ý đồ làm cho dân ngu dễ trị. Các chính sách giáo dục của Pháp được hoàn thiện qua từng giai đoạn nhằm đáp ứng cho mục tiêu cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam, có ảnh hưởng trực tiếp đến nền giáo dục Nam Kỳ nói chung và Đồng Nai nói riêng thời kỳ 1867 - 1945.

Trước khi có sự xuất hiện của nền giáo dục Tây phương, tại Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng vẫn duy trì nền giáo dục phong kiến, nền giáo dục Nho học. Nền giáo dục phương Tây xuất hiện đã làm thay đổi hoàn toàn nền giáo dục nước nhà, nền giáo dục Việt Nam chuyển sang một trang mới.

Trường dạy nghề Biên Hòa ra đời là một sản phẩm của nền giáo dục thực dân, nhưng đã có những đóng góp nhất định vào sự phát triển kinh tế xã hội của Đồng Nai lúc bấy giờ.

Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai tiền thân là Trường dạy nghề Biên Hòa đã hình thành tồn tại và phát triển trong hơn 100 năm qua. Ngày nay, trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai trực thuộc Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch được tuyển sinh cả nước, gồm các ngành nghề đào tạo như: trang trí nội thất, đồ họa đa truyền thông, thiết kế thời trang, gốm, điêu khắc... Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai luôn đổi mới phương pháp, cập nhật và hoàn thiện chương trình giảng dạy cho phù hợp với thực tế trong nước, hòa nhập với trình độ các nước trong khu vực và quốc tế với mục tiêu “đào tạo nguồn nhân lực thiết kế mỹ thuật ứng dụng và du lịch có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, phát huy tốt nhất tiềm năng sáng tạo của người học” trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Văn Thái, Vũ Thị Huệ (1981), *Giáo trình lịch sử giáo dục Việt Nam*, Đại học Sư phạm, Hà Nội
2. Nguyễn Trọng Hoàng (1967), “Chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam”, *Nghiên cứu lịch sử* (96), tr. 14-20
3. Hồ Chí Minh (2000), *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. Nguyễn Anh (1967), “Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ khi Pháp xâm lược đến cuối Chiến tranh thế giới lần thứ nhất”, *Nghiên cứu lịch sử* (98), tr. 39-51
5. Bộ Văn hóa – Thông tin, Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai (2003), *100 năm hình thành và phát triển (1903 - 2003)*, lưu hành nội bộ

**BIEN HOA CAREER TRAINING SCHOOL
DURING THE FRENCH COLONIAL PERIOD (1903 - 1945)**

ABSTRACT

In 1903, Bien Hoa career training school was established under the decision of Bien Hoa provincial governor. This is the earliest career training facility in Dong Nai today. The birth of this kind of career training school has changed the province's education, which provides skilled human resources, highly creative works, and plays a significant role in Nam Ky's professional education system under French colonial rule. The article aims to find out about the context of establishment, action and the school's contributions to the local socio – economic development.

Keywords: *Bien Hoa career training school, French colonial rule*

(Received: 7/8/2019, Revised: 30/10/2019, Accepted for publication: 16/12/2019)